TỈNH ỦY BÌNH PHƯỚC * Số 369-KL/TU	ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM *Bình Phước, ngày 25 tháng 6 năm 2022*

KẾT LUẬN
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030

Sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ là xu hướng tất yếu để tạo ra các sản phẩm nông nghiệp có chất lượng cao phục vụ nhu cầu thiết yếu hàng ngày của con người. Trước đòi hỏi ngày càng cao của thị trường, quy trình sản xuất đầu vào, kiểm soát các khâu của quá trình canh tác, cần được chuẩn hóa, ứng dụng các tiến bộ về khoa học – kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, qua đó nâng cao chất lượng và hiệu quả, kiểm soát và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường. Hiện nay, bên cạnh những thành tựu quan trọng đã đạt được, ngành nông nghiệp của tỉnh còn có một số bất cập. Các sản phẩm có chất lượng cao từ nền sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao còn ít, chưa đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, nhu cầu thị trường; nhãn hiệu, bao bì sản phẩm, truy xuất nguồn gốc chưa được chú trọng; việc xây dựng thương hiệu gắn với phát triển thị trường còn yếu kém.

Triển khai Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn Quốc lần thứ XIII của Đảng, nhiệm kỳ 2021-2026 và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 – 2025, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thống nhất kết luận về phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 như sau:

1. Quan điểm

Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ là định hướng lâu dài, khách quan nằm trong tổng thể quy hoạch phát triển của tỉnh; là giải pháp quan trọng, tạo ra chuyển biến mang tính đột phá trong phát triển sản xuất, tái cơ cấu nông nghiệp, nâng cao đời sống của người dân.

Phát triển một cách vững chắc, hiệu quả, tiếp thu kinh nghiệm trong nước và quốc tế, bảo đảm phù hợp với điều kiện của tỉnh, sử dụng hiệu quả nguồn lực đất đai; trên cơ sở tư duy kinh tế nông nghiệp, phù hợp với yêu cầu của thị trường, sản

xuất theo chuỗi giá trị; phát huy vai trò trọng tâm của nông dân, tổ chức kinh tế hợp và doanh nghiệp.

Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, hữu cơ gắn với phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp và liên kết nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ, phát triển nông thôn, đô thị và bảo vệ môi trường sinh thái.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ nhằm tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới dựa trên phát triển vùng; phát triển chuỗi giá trị hàng hóa và liên kết nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ, phát triển nông thôn, đô thị và bảo vệ môi trường sinh thái, hướng đến mục tiêu xây dựng nền sản xuất nông nghiệp hiện đại, có sự đột phá về năng suất chất lượng, sản phẩm, có giá trị kinh tế cao, thân thiện môi trường, thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2021 – 2025

Hình thành 01-02 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ với diện tích khoảng 1.000 - 2.000 ha.

Sản xuất nông sản sạch trên diện tích khoảng 17.000 ha, ước đạt 7,77% diện tích đất nông nghiệp (không tính diện tích trồng cây cao su) trong đó có 5.130 ha sản xuất hữu cơ, ước đạt 2,35%.

Tỷ lệ trang trại chăn nuôi heo theo hướng an toàn khoảng 90% trên tổng số cơ sở chăn nuôi. Trong đó, các huyện, thành phố gồm: Chơn Thành, Đồng Xoài, Đồng Phú, Bù Đăng đạt an toàn dịch bệnh theo tiêu chuẩn OIE; các huyện, thị xã gồm: Hớn Quản, Bù Gia Mập, Phước Long, Phú Riềng đạt an toàn dịch bệnh theo quy định của Việt Nam.

Tỷ lệ trang trại chăn nuôi gia cầm theo hướng an toàn đạt khoảng 90% trên tổng số cơ sở. Trong đó, các huyện, thành phố gồm: Đồng Xoài, Đồng Phú, Chơn Thành, Bù Đăng đạt an toàn dịch bệnh theo tiêu chuẩn OIE; các huyện, thị xã gồm: Hớn Quản, Bình Long, Phú Riềng, Phước Long và Bù Gia Mập đạt an toàn dịch bệnh theo quy định của Việt Nam.

Phát triển nuôi chim yến tại các huyện, thị xã, thành phố.

Thu hút được đầu tư về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, công nghiệp chế biến nông sản… với tổng mức đầu tư khoảng 23.500 tỷ đồng.

Xây dựng và hình thành 01 Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Bình Phước.

Phát triển được một số mô hình liên kết giữa nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, hữu cơ kết hợp với đô thị sinh thái – khu dân cư – du lịch – cảnh quan trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố gồm: Bù Đăng, Đồng Phú, Đồng Xoài, Chơn Thành.

Phát triển 100 hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

b) Giai đoạn 2025 – 2030

Hình thành 5 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, với tổng diện tích khoảng 5.000 ha.

Sản xuất nông sản sạch trên diện tích khoảng 31.500 ha, ước đạt 15,42% (không tính diện tích cây cao su), trong đó có 7.400 ha sản xuất hữu cơ, ước đạt 3,62%.

Tỷ lệ trang trại chăn nuôi theo hướng an toàn đạt 100% số cơ sở. Tiếp tục duy trì các vùng chăn nuôi gia súc, gia cầm đã được công nhận an toàn dịch bệnh trong giai đoạn 2021 - 2025 và mở rộng xây dựng vùng an toàn dịch bệnh tại các huyện, thị xã còn lại.

Thu hút đầu tư về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, công nghiệp chế biến nông sản… với tổng mức đầu tư lũy kế khoảng 28.000 tỷ đồng.

Khai thác có hiệu quả các mô hình liên kết giữa nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, hữu cơ kết hợp với đô thị sinh thái – khu dân cư – du lịch – cảnh quan trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố: Bù Đăng, Đồng Phú, Đồng Xoài, Chơn Thành.

Phát triển khoảng 200 hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Đến năm 2030 xây dựng được 955 nhãn hiệu các loại, trong đó: 10 nhãn hiệu sản phẩm có chứng nhận, 600 nhãn hiệu thông thường; 15 nhãn hiệu tập thể; 50 sản phẩm OCOP; được cấp 250 mã số vùng trồng; mã số cơ sở đóng gói cấp được 30 cơ sở.

3. Nhiệm vụ và giải pháp

3.1. Quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ tại các vùng sản xuất tập trung phù hợp với hoạch chung của tỉnh; vùng sản xuất điều theo quy hoạch phát triển ngành điều;

vùng chăn nuôi phát triển theo chiến lược phát triển chăn nuôi của tỉnh đến năm 2030, đảm bảo tránh xa khu đô thị; các loại cây trồng khác dựa trên đánh giá lợi thế về điều kiện sinh thái, sản phẩm có thế mạnh và thị trường tiêu thụ để xác định các vùng có tiềm năng để sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ. Trong đó:

Kiến nghị quy hoạch diện tích đất phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2030 là khoảng 10.800 ha, trong đó Đồng Phú (700 ha); Chơn Thành (600 ha); Hớn Quản (1.000 ha); Lộc Ninh (1.500 ha); Bù Đốp (1.500 ha); Bù Gia Mập (2.000 ha); Phú Riềng (1.500 ha) và Bù Đăng (2.000 ha).

Quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên cây ăn trái với diện tích 5.000 ha trên địa bàn các huyện gồm: Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Gia Mập, Phú Riềng, Bù Đăng; vùng trồng tiêu ứng dụng công nghệ cao với diện tích 3.000 ha tại các huyện Hớn Quản, Lộc Ninh và Bù Đốp; vùng trồng cây dược liệu ứng dụng công nghệ cao gắn với tiêu thụ sản phẩm với diện tích 500 ha trên địa bàn các huyện gồm: Bù Gia Mập, Phú Riềng, Hớn Quản, Đồng Phú và Bù Đăng.

Diện tích đất quy hoạch cho chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao đến năm 2030 là 9.500 ha, trong đó: Đồng Phú (600 ha); Hớn Quản (1.500 ha); Lộc Ninh (1.500 ha); Bù Đốp (600 ha); Bù Gia Mập (2.500 ha); Phú Riềng (800 ha) và Bù Đăng (2.000 ha).

Diện tích trồng điều nông nghiệp sạch đạt 20.000 ha/140.000 ha, chiếm 14,29% (trong đó chứng nhận hữu cơ khoảng 7.000 ha, chiếm 05%). Ổn định vùng sản xuất điều, tiếp tục đầu tư cho 04 vùng trồng chính là Bù Gia Mập, Bù Đăng, Phú Riềng và Đồng Phú với năng suất dự kiến 2,11 tấn/ha.

Diện tích trồng tiêu nông nghiệp sạch đạt 4.500 ha/10.000 ha, chiếm 45% (trong đó chứng nhận hữu cơ khoảng 200 ha, chiếm 02%). Tiếp tục nâng cao chất lượng hồ tiêu, mở rộng diện tích sản xuất theo chứng nhận hữu cơ ở các vùng trồng tập trung bao gồm: Hớn Quản, Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Gia Mập và Bù Đăng.

Diện tích trồng cây ăn quả nông nghiệp sạch đạt 6.000 ha/19.850 ha, chiếm 30,23% (trong đó sản xuất hữu cơ khoảng 200 ha, chiếm 1,01%).

Diện tích trồng lúa, rau nông nghiệp sạch đạt 1.000 ha/14.116 ha, chiếm 7,08%. Duy trì phát triển lúa tại 03 huyện gồm: Bù Đăng (cánh đồng xã Đăng Hà), Bù Đốp (cánh đồng xã Tân Tiến, Hưng Phước, Thanh Hòa), Lộc Ninh (cánh đồng Lộc Khánh, Lộc Hưng, Lộc Quang, Lộc Thành). Đẩy mạnh thâm canh vùng sản xuất rau, tập trung sản xuất theo hướng sạch, chất lượng cao, an toàn thực phẩm.

3.2. Đẩy mạnh huy động nguồn lực, thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ

Tập trung nguồn lực xã hội hóa, khuyến khích, mời gọi các doanh nghiệp, các hợp tác xã và người dân có nhu cầu đầu tư vào sản xuất để phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ tập trung; kêu gọi doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp; kêu gọi tham gia đầu tư kết cấu hạ tầng; nghiên cứu, ứng dụng, thử nghiệm, trình diễn và sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Khuyến khích người dân, doanh nghiệp đầu tư vốn ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, nhất là các chính sách về đất đai, quy hoạch phát triển, chính sách ưu đãi thuế, tiền thuê đất; hỗ trợ trang thiết bị đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ cao; tập huấn, mô hình khuyến nông ứng dụng khoa học công nghệ; giống mới và một số vật tư thiết yếu phục vụ sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ; nhãn hiệu, bao bì, chứng nhận sản phẩm (OCOP, mã vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, chứng nhận tiêu chuẩn…).

3.3. Đẩy mạnh phát triển các chuỗi sản xuất, liên kết tiêu thụ sản phẩm, xây dựng thương hiệu và thị trường

Khuyến khích doanh nghiệp sản xuất hàng hóa lớn, sản xuất theo chuỗi giá trị tham gia vào quá trình sản xuất, xây dựng vùng nguyên liệu, thu mua, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy hoạch. Thực hiện lấy doanh nghiệp làm hạt nhân, liên kết với các thành phần khác trong chuỗi giá trị, liên kết tiêu thụ sản phẩm.

Đẩy mạnh xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, đăng ký quyền bảo hộ và sở hữu trí tuệ các sản phẩm từ nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sạch, hữu cơ, nổi tiếng của Bình Phước.

Tiếp tục hỗ trợ cho các hộ nông dân liên kết, hợp tác để hình thành vùng nguyên liệu tập trung, vùng sản xuất quy mô lớn.

Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người nông dân thay đổi tư duy sản xuất, tích cực chuyển đổi sản xuất cây trồng theo hướng ứng dụng công nghệ cao, sạch, hữu cơ; đẩy mạnh hợp tác để tạo thành các nhóm, tổ hợp tác, hợp tác xã nhằm mở rộng vùng nguyên liệu phục vụ nhu cầu tiêu thụ để thu hút doanh nghiệp đến thực hiện kết nối tiêu thụ sản phẩm.

3.4. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Đẩy mạnh các chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ trên cơ sở hiệu quả kinh tế; ưu tiên triển khai các đề tài, dự án có tính ứng dụng cao, thiết thực, phù hợp với quy trình canh tác và thích ứng biến đổi khí hậu để chuyển giao cho sản xuất như: Chọn giống chống chịu với các điều kiện khó khăn hạn, ngập lụt; kỹ thuật canh tác tiết kiệm nước; các giải pháp sinh thái phòng trừ các dịch bệnh mới; các công nghệ vi sinh vật làm phân hữu cơ và xử lý chất thải trong môi trường nông thôn; công nghệ chính xác và công nghệ số phục vụ sản xuất nông nghiệp thông minh; quản trị chất lượng trong chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp; cơ chế phân chia lợi ích và rủi ro trong liên kết đảm bảo sự tham gia hưởng lợi của hộ nông dân trong chuỗi giá trị; khuyến nông số; truy xuất nguồn gốc số…

Đẩy mạnh triển khai các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ số để sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ cho nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp. Ưu tiên triển khai trên các đối tượng sản xuất đã đạt được các chứng nhận như: VietGAP, VietGAHP, GlobalGAP, 4C, Utz certified,... gắn với phát triển các chuỗi liên kết sản xuất, chế biến tiêu thụ sản phẩm của các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác.

Thúc đẩy hợp tác trong và ngoài nước về nghiên cứu khoa học và ứng dụng chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển các sản phẩm từ nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, hữu cơ; phục vụ sản xuất vật tư đầu vào cho sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, hữu cơ.

3.5. Phát triển nông nghiệp bền vững dựa trên việc kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, hệ sinh thái

Xác định việc phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, hữu cơ phải được gắn kết với công nghiệp, dịch vụ, phát triển nông thôn, đô thị, bảo vệ môi trường sinh thái. Tận dụng lợi thế về điều kiện địa hình, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội để thúc đẩy phát triển kinh tế du lịch gắn với nông nghiệp, nông thôn; thực hiện đồng bộ quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ gắn kết chặt chẽ với quy hoạch du lịch để đảm bảo định hướng phát triển bền vững, vừa mang lại lợi ích kinh tế và bảo vệ môi trường nông thôn.

Xây dựng cơ chế chính sách đặc thù, ưu tiên cho loại hình du lịch nông nghiệp; thực hiện quy hoạch đào tạo, liên kết đào tạo, chuẩn hóa nguồn nhân lực

cho mô hình du lịch nông nghiệp; tăng cường công tác truyền thông, quảng bá các sản phẩm du lịch nông nghiệp trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ phục vụ chuỗi giá trị nông sản, kết nối nông thôn – đô thị, quản trị nông thôn hiện đại thông qua ứng dụng công nghệ số, đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới bền vững.

3.6. Nâng cao vai trò của các chủ thể

Phát huy vai trò của người nông dân, thay đổi tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp thông qua công tác đào tạo, tập huấn chuyển giao kỹ thuật về chăm sóc cây trồng, vật nuôi; ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất, bảo quản, tiêu thụ, xây dựng thương hiệu sản phẩm,... hoặc cử đi học tập kinh nghiệm tại các tỉnh, thành khác. Đồng thời vận động nông dân tham gia xây dựng các vùng liên kết sản xuất để mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Thúc đẩy, hỗ trợ thành lập mới các hợp tác xã nông nghiệp, chú trọng phát triển hợp tác xã sản xuất, tiêu thụ các sản phẩm chủ lực, có thế mạnh của tỉnh để hình thành liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Hỗ trợ, khuyến khích, tạo điều kiện cho các hợp tác xã tham gia liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất; gắn kết chặt chẽ hơn việc liên kết giữa doanh nghiệp và hợp tác xã. Xây dựng một số mô hình điểm, mang tính đột phá để nhân rộng.

Thúc đẩy phát triển doanh nghiệp nông nghiệp và thu hút đầu tư vào các lĩnh vực sơ chế, bảo quản sau thu hoạch, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp với các tổ chức kinh tế tập thể và người nông dân, hình thành và phát triển các chuỗi liên kết trong sản xuất một cách bền vững.

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Các cấp ủy đảng chỉ đạo quán triệt, tuyên truyền nội dung Kết luận này đến các chi bộ, đảng bộ trực thuộc và triển khai thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tiễn của ngành, địa phương, đơn vị.

4.2. Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh ban hành và triển khai thực hiện Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

4.3. Đảng đoàn HĐND tỉnh chỉ đạo việc cụ thể hóa các chủ trương, quan điểm, định hướng của Kết luận này vào các nghị quyết liên quan của HĐND tỉnh; tăng cường giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung của Kết luận.

4.4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát việc thực hiện Kết luận; tăng cường tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức của hội viên, đoàn viên và nhân dân đối

với các chủ trương phát triển phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh.

4.5. Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh uỷ theo dõi, kiểm tra, giám sát việc chấp hành Kết luận; kịp thời tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh uỷ lãnh đạo, chỉ đạo xử lý các vấn đề phát sinh, hoặc khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

4.6. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, hướng dẫn việc tuyên truyền và quán triệt thực hiện Kết luận.

4.7. Văn phòng Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Ban Chủ nhiệm thực hiện Chương trình phát triển nông nghiệp và các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, đôn đốc triển khai thực hiện Kết luận; định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Nguyễn Mạnh Cường

Nơi nhận:
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Các ban cán sự, đảng đoàn, đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy, BTV Tỉnh đoàn, Ban quản lý Khu kinh tế,
- Các Ban xây dựng đảng Tỉnh uỷ,
- Các đ/c UV BCH Đảng bộ tỉnh,
- BCN thực hiện Chương trình phát triển nông nghiệp,
- VPTU: LĐVP, Phòng TH,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.